

NHỮNG LỜI GIẢNG DẠY CỦA Đấng KỶ TÔ

Những lời giảng dạy của Đấng Kỵ Tô trong Kinh Thánh đã từng là một nguồn soi dẫn cho nhân loại. Có những lời giảng dạy thêm của Đấng Cứu Rỗi trong quyển thánh thư song hành—Sách Mặc Môn: Một Chứng Thư Khác về Chúa Giê Su Kỵ Tô. Quyển Kinh Thánh và Sách Mặc Môn sẽ mang lại cho các anh chị em sự bình an và hạnh phúc bằng cách cung ứng sự soi dẫn trong cuộc sống của các anh chị em.

Để nhận được miễn phí quyển Sách Mặc Môn: Một Chứng Thư Khác về Chúa Giê Su Kỵ Tô, xin viếng thăm Trang Mạng dưới đây hoặc viết cho:

GIÁO HỘI
CÁC THÁNH HỮU NGÀY SAU CỦA
CHÚA GIÊ SU KỶ TÔ

www.mormon.org

CHỨNG NGÔN CỦA TIÊN TRI JOSEPH SMITH

Giáo Hội
Các Thánh Hữu Ngày Sau
của Chúa Giê Su Kỵ Tô



Joseph Smith: Một Tiên Tri của Thượng Đế

Khi Joseph Smith được 14 tuổi, ông muốn biết giáo hội nào ông phải gia nhập, nên ông cầu vấn Thượng Đế với lời cầu nguyện chân thành. Để đáp ứng cho lời cầu nguyện này, Thượng Đế Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, hiện đến cùng Joseph và phán bảo ông rằng không có Giáo Hội chân chính của Chúa Giê Su Ky Tô trên thế gian và Các Ngài đã chọn Joseph để phục hồi Giáo Hội.

Kể từ ngày đó, Joseph lao nhọc trong sự phục vụ Thượng Đế, làm việc để thiết lập Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô và để xây đắp vương quốc của Thượng Đế trên thế gian trong những ngày sau. Các tín hữu trung thành của Giáo Hội làm chứng rằng Chúa Giê Su Ky Tô là



Trong khi quyết định để gia nhập giáo hội nào, Joseph tìm kiếm sự hướng dẫn từ Kinh Thánh. Ông đọc trong sách đó: “Câu vấn Thượng Đế.”

Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của thế gian. Chúa Giê Su điều khiển Giáo Hội của Ngài ngày nay qua sự mặc khải ban cho một tiên tri trên thế gian. Joseph Smith là một vị tiên tri như thế. Mặc dù Joseph đã hoàn thành nhiều điều trong cuộc sống của ông, điều quan trọng nhất là sự cam kết của ông để làm một môn đồ và người làm chứng về Chúa Giê Su Ky Tô. Ông đã viết: “Và giờ đây, sau bao nhiêu chứng ngôn mà đã được nói về Ngài, thì đây là chứng ngôn, gần đây nhất trong tất cả các chứng ngôn, mà chúng tôi nói về Ngài: Rằng Ngài hằng sống!” (Giáo Lý và Giao Ước 76:22).

Những ai tiếp nhận chứng ngôn của Vị Tiên Tri qua quyền năng của Đức Thánh Linh sẽ biết được lẽ thật của công việc mà ông được kêu gọi để làm. Họ cũng có thể biết được sự bình an và hạnh phúc mà đến được qua Đấng Cứu Rỗi Giê Su Ky Tô, Đấng mà Joseph Smith đã thờ phượng và phục vụ.

Giáo Hội Nào Là Chân Chính?

Joseph Smith sinh năm 1805 tại Sharon, Vermont. Vào thời gian mà truyện ký này bắt đầu, ông được 14 tuổi, đang sống với gia đình mình ở Nữu Ước, và tha thiết muốn biết giáo hội nào để gia nhập. Sau đây là kinh nghiệm của Joseph được viết bằng lời của chính ông.

Ở giữa trận khẩu chiến và xung đột về quan điểm này, tôi thường tự hỏi: Bây giờ mình phải làm gì đây? Trong số các giáo phái này, giáo phái nào đúng, hay là tất cả họ đều sai lầm? Nếu có một giáo phái nào đúng, thì đó là giáo phái nào, và làm sao tôi biết được?

Trong khi tôi đang vất vả vì những nỗi khó khăn cực điểm gây ra bởi những sự tranh chấp của những nhóm người cuồng tín này, thì nhân một hôm tôi đọc Bức Thư của Gia Cơ, chương nhất câu năm có viết rằng: Ví bằng trong anh em có kẻ kém khôn ngoan, hãy cầu xin Thượng Đế, là Đấng ban cho mọi người cách rộng rãi, không trách móc ai, thì kẻ ấy sẽ được ban cho.

Thật chưa có một đoạn thánh thư nào lại có tác dụng xúc động tâm hồn con người mãnh liệt bằng đoạn thánh thư này đối với tôi lúc bấy giờ. Tôi tưởng chừng như có một sức mạnh lớn lao xuyên thẳng vào tận đáy tim tôi. Tôi suy ngẫm mãi về đoạn thánh thư trên và ý thức được rằng nếu có người nào cần đến sự khôn ngoan từ Thượng Đế, thì người ấy chính là tôi; vì lẽ tôi không biết phải hành động ra sao, và trừ phi tôi nhận được thêm sự khôn ngoan hơn tôi có lúc đó, bằng không thì tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu được; vì các vị giảng đạo của các giáo phái đã hiểu cùng những đoạn thánh thư theo một ý khác biệt nhau, đến nỗi làm cho tôi mất hết tin tưởng vào việc giải đáp câu hỏi đó bằng cách cầu cứu đến Kinh Thánh.

Cuối cùng tôi đi đến kết luận rằng hoặc là tôi phải ở mãi trong tình trạng tối tăm và hoang mang, hoặc là tôi phải làm theo lời chỉ dẫn của Gia Cơ, nghĩa là cầu vấn Thượng Đế. Sau cùng tôi quyết định “cầu vấn Thượng Đế,” vì đã kết luận rằng nếu Ngài ban sự khôn ngoan cho những ai thiếu khôn ngoan, và ban cho một cách rộng rãi và không trách móc, thì tôi có thể liệu xem sao.



Khải Tượng Thứ Nhất của Joseph Smith

Vì vậy để thực hiện quyết định này, quyết định cầu vấn Thượng Đế, tôi đi vào rừng để thử làm việc ấy. Đó là buổi sáng của một ngày xinh đẹp quang đấng, vào đầu xuân năm 1820. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi, tôi đã thử làm một việc như vậy; vì lẽ giữa tất cả mọi bối rối lo âu của tôi, tôi vẫn chưa bao giờ thử cầu nguyện thành lời.

Một vị gọi tên tôi, và trở tay vào vị kia mà nói rằng—“Đây là Con Trai Yêu Quý của Ta, Hãy Nghe Lời Người!”

Sau khi đến nơi mà tôi đã định trước, và nhìn quanh mình thấy chỉ có mình tôi, tôi mới quỳ xuống và bắt đầu dâng lên Thượng Đế những ước muốn của lòng tôi. Khi tôi vừa mới bắt đầu cầu nguyện, thì liền bị một sức mạnh hoàn toàn chế ngự tôi, và có một ảnh hưởng thật lạ lùng trên tôi đến nỗi lười tôi như bị buộc lại, khiến tôi không thể nói được. Một bóng tối đặc đặc bủa vây lấy tôi, và trong lúc đó, tôi tưởng chừng như mình bất thần bị hủy diệt.

Nhưng tôi đã vận dụng hết tất cả mọi năng lực của tôi để kêu cầu Thượng Đế giải thoát cho tôi khỏi quyền lực của kẻ thù này đang trói chặt lấy tôi, và ngay lúc tôi quá tuyệt vọng và sắp sửa buông tay phó mặc cho mình bị hủy diệt—không phải là một sự hủy diệt tưởng tượng, mà quả thật có quyền lực của một kẻ nào đó từ thế giới vô hình, kẻ có một quyền lực phi thường mà từ trước đến nay tôi chưa hề cảm thấy ở bất cứ người nào—ngay trong lúc cực kỳ nguy nan đó, tôi thấy một luồng ánh sáng ngay trên đầu tôi, sáng hơn cả ánh sáng mặt trời, ánh sáng ấy từ từ hạ xuống cho đến khi phủ lên tôi.

Lần đó, tôi cảm thấy được giải thoát ngay khỏi kẻ thù đã trói buộc tôi. Khi ánh sáng



chan hòa trên người tôi, tôi thấy có hai Nhân Vật đứng bên trên tôi giữa không trung, vẻ rực rỡ và hào quang chói lọi của hai người thật không bút nào tả xiết. Một trong hai vị nói chuyện với tôi, gọi tên tôi và trở tay vào vị kia mà nói rằng—Đây là Con Trai Yêu Quý của Ta. Hãy Nghe Lời Người!

Vì mục đích của tôi là đi cầu vấn Chúa để được biết giáo phái nào trong tất cả các giáo phái là đúng, ngộ hầu tôi có thể biết giáo phái nào để gia nhập. Một khi vừa trấn tĩnh lại và nói lên được, tôi bèn hỏi Hai Nhân Vật đang đứng bên trên tôi trong ánh sáng trước mặt tôi

là giáo phái nào trong số tất cả các giáo phái là đúng (vì vào lúc này trong tâm trí tôi chưa bao giờ nghĩ rằng tất cả đều sai lầm)—và giáo phái nào tôi nên gia nhập.

Tôi được trả lời rằng, tôi không được gia nhập giáo phái nào cả, vì tất cả đều sai lầm; và Nhân Vật ngó lời cùng tôi còn nói rằng tất cả các giáo điều của họ là sự khả ố trước mắt Ngài; những giáo sĩ ấy đều hoàn toàn bại hoại; rằng: “Chúng chỉ gài ta bằng môi lưỡi, nhưng lòng dạ chúng lại xa ta; chúng dạy những giáo điều do con người đặt ra, với hình thức bề ngoài rất tin kính, nhưng lại chối bỏ quyền năng của sự tin kính đó.”

Một lần nữa Ngài lại cấm tôi gia nhập bất cứ giáo phái nào, và Ngài còn nói cho tôi biết nhiều điều khác mà tôi không thể viết ra trong lúc này. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình đang nằm ngửa dưới đất, mắt nhìn lên trời. Khi ánh sáng đó đi khỏi, tôi mất hết sinh lực; nhưng chỉ một lát sau tôi đã phục hồi được đôi phần sức khỏe, tôi bèn đi về nhà.

Sự Ngược Đãi

Joseph tuân theo Thượng Đế và không gia nhập bất cứ giáo hội nào lúc bấy giờ. Khi ông kể cho dân chúng nghe về điều ông đã thấy và nghe, ông bắt đầu gặp sự chống đối và ngược đãi.

Chẳng bao lâu sau tôi nhận thấy...câu chuyện tôi thuật lại đã khiến giới giáo sĩ có thành kiến chống đối tôi dữ dội, và đã là nguyên nhân cho sự ngược đãi lớn lao càng ngày càng lan rộng; và mặc dù lúc đó tôi là một thiếu niên tầm thường chỉ mười bốn mười lăm tuổi, và hoàn cảnh của tôi trong cuộc sống là một thiếu niên không có chút quan trọng nào trong xã hội, nhưng những người có địa vị cao đã lưu tâm đến độ họ tìm cách khơi động tâm trí quần chúng chống đối tôi, và tạo ra sự ngược đãi khắc nghiệt; và chuyện này đã lan

rộng trong tất cả giáo phái—tất cả đều liên kết với nhau để ngược đãi tôi.

Từ đó, việc này đã thường làm tôi băn khoăn nhiều, thật là kỳ lạ thay, một đứa trẻ tầm thường, mới hơn mười bốn tuổi đầu, và lại là đứa trẻ phải chịu số phận lao đao, vất vả hằng ngày mới kiếm đủ miếng ăn thanh bần, thì tại sao tôi lại được xem như một nhân vật có tầm quan trọng đủ để thu hút sự chú ý của các nhân vật có uy thế nhất trong các giáo phái tiếng tăm nhất thời bấy giờ và đến một mức độ tạo ra trong họ một tinh thần ngược đãi khắc nghiệt nhất và đầy sỉ vả. Nhưng dù có lạ lùng hay không, thì chuyện đó cũng đã xảy ra rồi, và nó thường là mối ưu sầu vô hạn của tôi.

Tuy nhiên, dù sao đi nữa vẫn là sự kiện tôi đã mục kích khái tượng. Từ dạo đó, tôi đã nghĩ rằng tôi cảm thấy mình thật giống như Phao Lô, khi ông tự biện hộ trước vua A-c-ríp Ba và thuật lại câu chuyện về khái tượng mà ông được mục kích khi ông trông thấy một ánh sáng và nghe một tiếng nói; nhưng vẫn không mấy người tin lời ông; người thì bảo ông không thành thật, kể lại cho là ông điên rồ; và ông đã bị nhạo báng và chửi rủa. Nhưng, tất cả những hành động trên không làm sao phá đổ được sự thật về khái tượng của ông. Ông đã trông thấy khái tượng, ông biết là ông đã trông thấy, và tất cả những sự ngược đãi dưới gầm trời này không thể làm đảo lộn sự thật được; và dù cho họ có ngược đãi ông đến chết, thì ông vẫn biết, và biết cho đến hơi thở cuối cùng của mình, rằng ông đã trông thấy một ánh sáng và nghe một tiếng nói phán với ông, và tất cả thế gian không thể làm cho ông suy nghĩ hay tin tưởng ngược lại được.

Trường hợp của tôi cũng vậy. Quả thật tôi đã trông thấy một ánh sáng và giữa ánh sáng ấy, tôi đã trông thấy hai Nhân Vật, và hai vị đó đã thật sự ngó lơ cùng tôi; và mặc dù tôi bị thù ghét và ngược đãi vì tôi đã nói là tôi đã trông thấy một khái tượng, nhưng đó vẫn là sự thật;

và trong lúc họ ngược đãi, sỉ vả tôi, và vu cáo cho tôi mọi điều xấu xa vì tôi đã nói ra như thế, tôi vẫn thường tự vấn lòng tôi rằng: Tại sao lại

*Tôi đã trông
thấy một khái
tượng; và tôi
biết điều đó,
và tôi biết là
Thượng Đế
biết như vậy,
và tôi không thể
phủ nhận được,
tôi cũng không
dám làm thế.*

ngược đãi tôi chỉ vì tôi đã nói ra sự thật? Quả thật tôi đã trông thấy một khái tượng; và lại tôi là ai mà dám chống lại Thượng Đế? Hay tại sao thiên hạ lại muốn tôi phủ nhận điều tôi đã thực sự trông thấy? Vì tôi đã trông thấy một khái tượng; tôi biết điều đó, và tôi biết là Thượng Đế biết như vậy, và tôi không thể phủ nhận được, tôi cũng không dám làm thế, ít nhất tôi

biết rằng nếu tôi làm thế, thì tôi sẽ xúc phạm đến Thượng Đế, và tôi sẽ chuốc lấy sự đoán phạt.

Bây giờ tâm trí tôi đã được hài lòng về vấn đề đạo giáo—tôi không có bổn phận phải gia nhập giáo phái nào, mà chỉ sinh sống như hiện tại cho đến khi nào tôi nhận được chỉ thị mới. Tôi nhận thấy chứng ngôn của Gia Cơ là đúng—rằng một người thiếu sự khôn ngoan, có thể cầu xin Thượng Đế, và sẽ được ban cho mà không bị trách móc.

Cho tới ngày 21 tháng Chín năm 1823, tôi vẫn tiếp tục sinh sống với nghề cũ, và vẫn liên tục chịu đựng sự ngược đãi thậm tệ của đủ mọi hạng người trong xã hội, cả người có tôn giáo lẫn kẻ vô thần, vì lẽ lúc nào tôi cũng quả quyết là tôi đã trông thấy một khái tượng.

Suốt thời gian từ lúc tôi mục kích khái tượng đến năm 1823—vì tôi đã bị cấm đoán không được gia nhập giáo phái nào thời ấy, và vì tôi còn ở vào lứa tuổi niên thiếu mà đã bị ngược đãi bởi những người đáng lý ra phải là bạn bè của tôi, và đáng lẽ phải đối xử với tôi một cách

tử tế, và đáng lẽ phải cố gắng khuyên nhủ tôi một cách ôn hòa thân ái, nếu họ cho rằng tôi đã bị lầm lạc—tôi đã bị phó mặc cho mọi cảm dỗ, và khi chung sống với mọi hạng người trong xã hội, tôi thường vấp phải nhiều lỗi lầm đại dột, và đã biểu lộ sự non kém của tuổi trẻ cùng bản chất nhược điểm của con người, mà tôi ân hận để nói rằng, sự kiện trên đã dẫn dắt tôi đến nhiều cảm dỗ lầm lạc, xúc phạm trước mặt Thượng Đế. Khi thú nhận điều này, xin đừng ai nghĩ rằng tôi đã phạm những tội tày đình. Một khuynh hướng phạm tội như thế không bao giờ có trong bản tính của tôi.

Cuộc Viếng Thăm của Mô Rô Ni

Sự ngược đãi đã tiếp tục khi Joseph không chịu chối bỏ rằng ông đã trông thấy Thượng Đế. Vào ngày 21 tháng Chín năm 1823, sau khi lui về phòng riêng đi ngủ, Joseph đã cầu nguyện để biết về vị thế của mình trước Chúa. Thiên Sứ Mô Rô Ni hiện đến cùng ông.



Ba năm sau Khải Tượng Thứ Nhất của Joseph Smith, Thượng Đế gửi thiên sứ Mô Rô Ni đến chỉ dẫn Joseph về việc phục hồi phúc âm của Chúa Giê Su Kytô.

Vào buổi tối ngày 21 tháng Chín nói trên, khi lui về phòng riêng đi ngủ, tôi đã thành tâm cầu nguyện và khẩn cầu Thượng Đế Toàn Năng tha thứ cho tôi tất cả những tội lỗi và những điều khờ dại của tôi, và cũng cầu xin Ngài ban cho tôi một biểu hiện, ngõ hầu tôi có thể được biết về tình trạng và vị thế của tôi trước mặt Ngài; vì tôi hoàn toàn tin tưởng rằng tôi sẽ nhận được một sự biểu hiện thiêng liêng, như tôi đã được một lần trước đây.

Trong lúc tôi đang thành tâm kêu cầu Thượng Đế như vậy, thì tôi bỗng thấy một ánh sáng phát hiện trong phòng tôi, ánh sáng đó càng lúc càng sáng tỏ, đến khi căn phòng sáng rực hơn ánh nắng ban trưa, rồi bất thần một nhân vật xuất hiện bên giường tôi, đứng lơ lửng trên không, vì chân ông không chạm đất.

Vị ấy mặc một chiếc áo dài rộng màu trắng đẹp đẽ lạ thường. Đó là một màu trắng thật kỳ diệu mà tôi chưa từng thấy một vật gì ở trên thế gian này trắng như vậy, và tôi cũng không tin trên thế gian này lại có thể có được màu cực trắng và vô cùng rực rỡ như vậy. Hai bàn tay ông để trần, và cánh tay cũng vậy, lộ đến cườm tay, bàn chân ông cũng để trần, chân ông cũng vậy, lộ đến phía trên mắt cá. Đầu và cổ của ông đều để trần. Tôi có thể nhận ra rằng ông chỉ mặc mỗi chiếc áo dài trắng này, vì cổ áo ông để hở khiến tôi trông thấy được cả phần ngực của ông.

Không những chiếc áo dài của ông cực kỳ trắng xóa mà toàn thân ông cũng rực rỡ một cách khôn tả, và gương mặt ông sáng rực như chớp vậy. Gian phòng của tôi sáng choang nhưng không rực rỡ bằng ánh sáng bao quanh người ông. Thoạt tiên tôi mới nhìn thấy ông, tôi sợ hãi, nhưng chẳng bao lâu sự sợ hãi đó rời khỏi tôi.

Ông gọi tên tôi và nói với tôi rằng, ông là sứ giả từ chốn hiện diện của Thượng Đế sai đến gặp tôi, và tên ông là Mô Rô Ni; rằng Thượng

Để có một công việc giao phó cho tôi thực hiện; và rằng tên tôi sẽ được mọi quốc gia, sắc tộc, và sắc ngữ nhắc nhở tới như điều thiện và điều ác, hoặc là vừa điều thiện lẫn điều ác, được nói đến trong khắp mọi dân tộc.

Ông nói rằng có một quyển sách đã được chôn giấu, được ghi khắc trên những bảng khắc bằng vàng, tường thuật lại câu chuyện của các dân cư thời xưa sống trên lục địa này, và nguồn gốc nguyên thủy của họ. Ông cũng nói rằng sách ấy chứa đựng Phúc Âm trọn vẹn vĩnh viễn, do chính Đấng Cứu Rỗi đã ban cho dân chúng thời xưa;

Ông còn nói thêm rằng, còn có hai viên đá nằm trong hai cái khung hình vòng cung bằng bạc—và hai viên đá này được buộc vào một tấm giáp che ngực, được gọi là U Rim và Thu Mim—được chôn giấu chung với các bảng khắc; và vào thời xa xưa hay thời trước đây ai có quyền sở



Năm 421 sau Thiên Chúa, tiên tri Mô Rô Ni chôn giấu các biên sử thiêng liêng của dân ông tại Ngọn Đồi Cumorah. Khi trở lại với tự cách là một nhân vật phục sinh, ông nói cho Joseph Smith biết về biên sử cổ xưa chứa đựng trọn vẹn phúc âm mà do Đấng Cứu Rỗi ban cho các dân cư thời xưa trên lục địa Mỹ Châu. Biên sử này là Sách Mặc Môn.

hữu và sử dụng hai viên đá này đều thành những “vị tiên kiến” và rằng Thượng Đế đã chuẩn bị những vật này cho mục đích phiến dịch quyền sách.

Sau khi cho tôi biết những điều này, ông bắt đầu trích dẫn những lời tiên tri trong Cựu Ước. Đầu tiên ông trích dẫn một phần của chương ba trong sách Ma La Chi; và ông cũng trích dẫn chương bốn tức là chương cuối cùng của lời tiên tri ấy, mặc dù nội dung hơi khác so với Kinh Thánh của chúng ta. Thay vì trích dẫn câu đầu như trong sách của chúng ta, thì ông lại trích dẫn như sau:

“Vì này, ngày đến sẽ cháy đỏ như lò lửa, và tất cả những kẻ kiêu ngạo, phả, và tất cả những kẻ làm điều gian ác sẽ cháy như rơm rạ; vì những người đến sẽ thiêu đốt chúng nó chẳng để lại cho chúng nó rễ hoặc cành, lời Đức Chúa Muôn Quân phán.”

Và rồi ông lại trích dẫn câu thứ năm rằng: “Này, nhờ tay tiên tri Ê Li, ta sẽ tiết lộ cho các người Chức Tư Tế trước khi đến ngày trọng đại và khủng khiếp của Chúa.”

Ông cũng trích dẫn câu kế tiếp khác hẳn: “Và người sẽ gieo vào lòng các con cái những lời đã hứa với ông cha chúng, và lòng con cái trở lại cùng ông cha chúng. Nếu không được như vậy thì cả trái đất này sẽ hoàn toàn hoang tàn khi Ngài đến.”

Thêm vào các đoạn trên, ông trích dẫn chương mười một trong sách Ê Sai và nói rằng lời tiên tri đó sắp được ứng nghiệm. Ông cũng trích dẫn chương ba trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ, các câu hai mươi hai và hai mươi ba, đúng như trong Tân Ước của chúng ta. Ông bảo rằng vị tiên tri đó là Đấng Ky Tô; nhưng ngày ấy chưa đến, khi mà “những kẻ không muốn nghe tiếng nói của Ngài sẽ bị khai trừ khỏi dân chúng,” tuy nhiên, chẳng bao lâu nữa ngày ấy cũng sẽ tới.

Ông cũng trích dẫn chương hai của sách Giô Ên, từ câu hai mươi tám tới câu cuối cùng. Ông cũng bảo rằng lời tiên tri này chưa được ứng nghiệm, nhưng sắp được ứng nghiệm. Và ông nói thêm rằng chẳng bao lâu sự trọn vẹn của

Dân Ngoại sẽ đến. Ông trích dẫn nhiều đoạn khác trong thánh thư và cho tôi nhiều lời giải thích mà tôi không thể viết hết ra đây được.

Một lần nữa, ông bảo tôi rằng, khi tôi lấy được những bản khắc mà ông đã nói tới—vì thời gian để nhận được các bản khắc ấy chưa đến—tôi

không được đưa cho ai xem, kể cả tấm giáp che ngực cùng hai viên đá U Rim và Thu Mím, tôi chỉ được đưa cho những người mà tôi được lệnh cho xem mà thôi; nếu tôi cho xem, tôi sẽ bị hủy diệt. Trong lúc ông đàm luận với tôi về các bản khắc, thì khái tượng được mở ra trong tâm trí tôi, khiến tôi có thể thấy được chỗ những bản khắc này chôn giấu, và tôi có thể thấy rõ ràng và phân minh đến độ tôi nhận ra ngay được chỗ đó khi tôi đến viếng.

Sau cuộc giao tiếp này, tôi thấy ánh sáng trong phòng bắt đầu thu gọn lại chung quanh người của vị đang nói chuyện với tôi, và ánh sáng càng lúc càng thu dần cho đến khi căn phòng lại trở nên tối đen, trừ lớp hào quang chung quanh ông; rồi bất thần tôi trông thấy hào quang ấy trở thành một vệt sáng chiếu thẳng lên trời, và ông thẳng lên mãi cho đến khi hoàn toàn biến dạng, và căn phòng tôi lại chìm đắm trong bóng tối như trước khi ánh sáng thiên thượng này xuất hiện.

Tôi nằm suy nghĩ mãi về sự khác thường của cảnh tượng vừa qua, và trong lòng hết sức kinh dị về những điều mà vị sứ giả lạ thường này vừa

nói với tôi. Trong lúc đang chìm đắm trong suy tư, tôi bỗng thấy căn phòng lại dần dần sáng sủa trở lại, và chỉ trong khoảnh khắc, có thể nói như thế, vị thiên sứ vừa rời lại hiện ra bên giường tôi.

Ông bắt đầu lặp lại cũng chính những điều mà ông đã nói, vào lúc viếng thăm lần thứ nhất của ông không sửa đổi mảy may; nói xong ông báo tin cho tôi biết rằng những sự đoán phạt vĩ đại sẽ đến trên thế gian, với những tiêu điều khủng khiếp vì nạn đói, gươm đao, và bệnh dịch; và rằng những sự đoán phạt nghiêm trọng này sẽ đến trên thế gian trong thế hệ này. Sau khi nói xong những điều này, ông lại thẳng lên trời như ông đã làm lần trước.



Ngoại Đồi Cumorah nằm khoảng 5 cây số phía đông nam trang trại của gia đình Smith tại Palmyra, New York. Trong thời Joseph, vùng phía bắc bị cỏ bao phủ, phía nam thì cây cối và rừng rậm. Các bản khắc được chôn giấu bên sườn đồi phía tây nam, cách đỉnh không xa. Ảnh: Tháng Tám năm 1907

Lần này, những cảm tưởng ghi khắc trong tâm trí tôi quá sâu đậm, khiến tôi không tài nào chộp mắt được, và tôi hết sức bàng hoàng kinh dị về những điều tôi vừa được thấy và nghe. Nhưng thật là ngạc nhiên, tôi lại thấy vị thiên sứ vừa rời một lần nữa xuất hiện bên giường tôi, và tôi lại nghe ông nhắc lại hay lặp lại cho tôi nghe những gì đã nói như hai lần trước; và thêm lời cảnh cáo tôi, bảo tôi rằng Sa Tan sẽ tìm đủ mọi cách để cám dỗ tôi (vì gia đình cha tôi lúc đó rất nghèo túng), xúi giục tôi chiếm đoạt những bản khắc đó để làm giàu. Ông nghiêm cấm điều này, và căn dặn tôi rằng, tôi không được có mục đích nào khác

*Khái tượng
được mở ra
trong tâm trí
tôi, khiến tôi
có thể thấy
được chỗ những
bản khắc này
chôn giấu.*

hơn trong việc lấy các bảng khắc đó ngoại trừ mục đích làm vinh hiển Thượng Đế, và không được để cho bị lôi cuốn bởi một nguyên do nào khác hơn là việc xây đắp vương quốc của Ngài; nếu không thì tôi không thể lấy được các bảng khắc đó.



Mô Rô Ni trở lại mỗi năm trong bốn năm và chỉ dẫn thêm cho vị tiên tri trẻ tuổi. Sau bốn năm đó, Joseph nhận được các bảng khắc và khởi sự phiên dịch Sách Mặc Môn.

Sau lần viếng thăm thứ ba này, ông lại thăng lên trời như những lần trước, và một lần nữa tôi lại đắm mình suy ngẫm về tính chất kỳ lạ của những việc tôi vừa trải qua; hầu như ngay sau khi vị thiên sứ thăng lên trời lần thứ ba, thì có tiếng gà gáy sáng và tôi biết rằng bình minh đang lên, như vậy những cuộc hội kiến của chúng tôi hẳn đã chấm trọn đêm ấy.

Chẳng bao lâu sau, tôi trở dậy ra khỏi giường, và như thường lệ, tôi đi làm những công việc lao động cần thiết hằng ngày; nhưng dù tôi cố gắng làm việc như mọi khi, tôi cũng cảm thấy sức lực kiệt quệ và mỗi mệt quá độ hầu như

không đứng vững được. Cha tôi lúc ấy đang làm việc bên cạnh tôi, ông nhận thấy điều bất thường nơi tôi, và bảo tôi hãy về nhà. Tôi bắt đầu có ý định đi về; nhưng vừa lúc định trèo qua bức rào nơi cánh đồng chúng tôi làm việc, bao nhiêu sức lực của tôi tiêu tan hết, và tôi ngã xuống đất ngất đi, và trong một lúc tôi hoàn toàn không còn biết gì hết.

Điều đầu tiên tôi có thể nhớ lại được là có tiếng ai gọi đến tên tôi. Tôi ngược nhìn lên, và tôi trông thấy vị sứ giả đêm qua đang đứng lơ lửng trên đầu tôi, hào quang tỏa quanh người như những lần trước. Rồi ông cũng nhắc lại tất cả những điều mà ông đã nói cho tôi nghe đêm qua và truyền lệnh cho tôi trở lại gặp cha tôi và thuật cho ông nghe về khái tượng và về những lệnh truyền mà tôi đã nhận được.

Tôi vâng lời; tôi trở lại cánh đồng gặp cha tôi và kể lại hết vấn đề này cho cha tôi nghe. Cha tôi đáp rằng đó là do từ Thượng Đế, và bảo tôi đi và làm theo như vị sứ giả đã truyền lệnh. Tôi rời cánh đồng, và đi đến nơi mà vị thiên sứ đã bảo tôi các bảng khắc đã được chôn giấu; và nhờ sự rõ rệt của khái tượng mà tôi đã trông thấy, nên tôi biết chỗ đó ngay khi vừa tới nơi.

Biên Sử Thiên Linh

Gần làng Manchester, hạt Ontario, Nữ Ước, có một ngọn đồi lớn, nó cao hơn tất cả các đồi khác quanh vùng. Bên sườn đồi phía tây, cách đỉnh không xa, dưới một tảng đá khá lớn, là nơi những bảng khắc được đựng trong một cái hộp cũng bằng đá. Tảng đá này dày và tròn, ở giữa gồ lên, và cạnh mép mỏng dần đi cho nên phần giữa lộ lên khỏi mặt đất trông thấy ngay, còn các cạnh mép chung quanh đều bị đất phủ lấp.

Sau khi bới hết đất, tôi tìm được một cây đòn bẩy, rồi kê vào dưới cạnh tảng đá và bẩy nó lên không mấy khó khăn. Tôi nhìn vào bên trong, và quả thật tôi trông thấy các bảng khắc, hai viên đá U Rim và Thu Mím cùng với tám giấp

che ngực đúng như vị sứ giả đã nói. Hộp đựng các vật này được làm bằng những phiến đá ghép vào với nhau bằng một loại xi măng nào đó. Đáy hộp là hai phiến đá đặt nằm ngang, và trên đó những bảng khắc được xếp chung với các vật khác.

Bên sườn đồi phía tây, cách đỉnh không xa, dưới một tảng đá khá lớn, là nơi những bảng khắc được đựng trong một cái hộp cũng bằng đá.

Tôi định lấy các vật ấy ra, nhưng bị vị sứ giả nghiêm cấm, và một lần nữa lại được cho biết rằng, chưa đến lúc để lấy những vật ấy ra mà phải đợi đến bốn năm sau; nhưng ông bảo tôi rằng, đúng một năm sau kể từ hôm nay, tôi phải trở lại chôn này và sẽ gặp ông tại đây, và tôi phải tiếp tục làm như vậy cho đến ngày tôi được phép lấy các bảng khắc ra.

Theo đó, như tôi đã được truyền lệnh, cứ mỗi cuối năm tôi đều đi tới chôn ấy, và lần nào tôi cũng gặp vị sứ giả ở đó, và mỗi lần hội kiến như vậy tôi lại nhận được những lời chỉ dẫn và những tin tức liên quan tới những gì Chúa sắp làm, và những phương cách và thể thức mà vương quốc của Ngài sẽ được điều hành trong những ngày sau cùng.

Vì gia cảnh của cha tôi rất eo hẹp, nên chúng tôi phải lam lũ chân tay, làm thuê làm mướn hằng ngày, hoặc lãnh công khi có dịp. Có lúc chúng tôi được làm gần nhà và có lúc phải đi xa, và nhờ làm việc liên tục, nên gia đình chúng tôi đã có được một mức sống dễ chịu.

Joseph làm một số công việc và chu cấp một mức sống dễ chịu cho gia đình ông. Vào năm 1825 ông nhận một việc làm ở tỉnh hạt Chenango, Nữu Ước. Nơi đó ông gặp Emma Hale, người mà ông kết hôn vào ngày 18 tháng Giêng năm 1827.

Sau cùng là đến kỳ hạn đi lấy các bảng khắc, hai viên đá U Rim và Thu Mim cùng tấm giáp che ngực. Vào ngày 22 tháng Chín năm 1827, theo như thường lệ mỗi cuối năm, tôi đi đến nơi mà những vật ấy được chôn giấu, vẫn vị thiên sứ lúc trước đã trao những vật ấy cho tôi với lời dặn rằng: tôi phải chịu trách nhiệm về những vật này; nếu vì bất cẩn hay khinh suất mà tôi để mất đi thì tôi sẽ bị khai trừ, nhưng nếu tôi dùng mọi nỗ lực giữ gìn chúng cho đến ngày ông, vị sứ giả, đến lấy lại, thì chúng sẽ được bảo tồn.

Chẳng bao lâu sau, tôi đã hiểu lý do tại sao tôi lại nhận được những chỉ thị nghiêm ngặt về việc giữ gìn các vật ấy cho được an toàn, và tại sao vị sứ giả lại bảo rằng, khi tôi đã làm xong điều đã được đòi hỏi nơi bàn tay tôi, thì ông sẽ đến lấy chúng đi. Vì chỉ ít lâu sau, người ta đã biết được tôi có những vật ấy; thế là tất cả mọi cố gắng đều được tận dụng triệt để nhằm chiếm đoạt chúng khỏi tôi. Mọi mưu chước có thể nghĩ ra được đều nhằm vào mục đích đó. Sự ngược đãi càng ngày càng đáng cay và khắc nghiệt hơn trước, và các đám đông dân chúng luôn luôn chực sẵn chờ cơ hội là chiếm đoạt chúng khỏi tôi. Nhưng nhờ sự thông sáng của Thượng Đế nên những vật này vẫn được tiếp tục an toàn trong tay tôi cho đến ngày tôi hoàn tất những gì đòi hỏi ở nơi bàn tay tôi. Theo như đã dự định, khi vị sứ giả đến lấy, tôi giao hoàn cho ông, và ông vẫn gìn giữ chúng cho đến ngày nay, tức là ngày 2 tháng Năm năm 1838....

Ngày 5 tháng Tư năm 1829, Oliver Cowdery đến nhà tôi, cho đến lúc ấy tôi chưa hề gặp mặt ông. Ông nói với tôi rằng ông đang dạy học trong vùng lân cận nơi cha tôi cư ngụ, và bởi vì cha tôi là một trong số những người gọi con đến ngôi trường ấy, nên ông đã đến ở trọ nhà cha tôi một dạo, và trong lúc ở đấy, gia đình cha tôi có kể cho ông nghe trong những trường hợp nào tôi đã nhận được những bảng khắc, và vì vậy ông đã đến tìm tôi để hỏi.

Hai ngày sau khi ông Cowdery đến (tức là ngày Bảy tháng Tư) tôi khởi sự phiên dịch Sách Mặc Môn, còn ông thì bắt đầu chép lại giùm tôi.

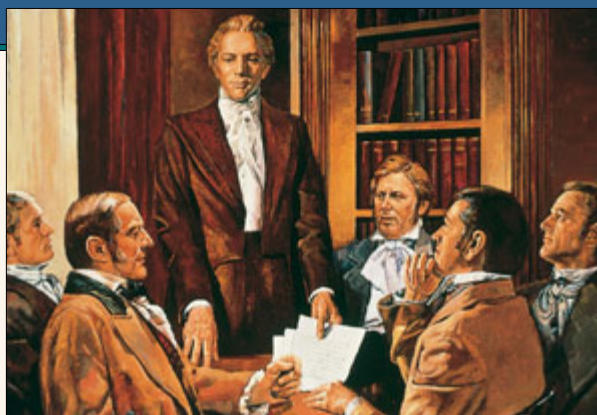
Vào tháng Tư năm 1829, Joseph, với Oliver Cowdery là người ghi chép, khởi sự phiên dịch Sách Mặc Môn qua ân tứ và quyền năng của Thượng Đế. Sau khi Joseph hoàn tất, những người khác có được đặc ân nhìn thấy các bảng khắc bằng vàng. Các nhân chứng này cũng ghi chép lại lời chứng của mình, bởi vì “mọi việc sẽ định cứ lời khai của hai hoặc ba người làm chứng” (2 Cô Rinh Tô 13:1).

Chức Tư Tế được Phục Hồi

Chúng tôi vẫn tiếp tục công việc phiên dịch cho đến một tháng sau (tháng Năm năm 1829), vào một ngày nọ chúng tôi đi vào rừng



Vào tháng Sáu năm 1829, Joseph Smith và Oliver Cowdery tiếp nhận Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc do Phi E Rơ, Gia Cơ và Giảng ban cho.



Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô được tổ chức tại nhà của Peter Whitmer Sr. vào ngày 6 tháng Tư năm 1830. Gần 60 người chứng kiến 6 người nam hội đủ điều kiện đòi hỏi của Nữ Ước để thiết lập một giáo phái mới.

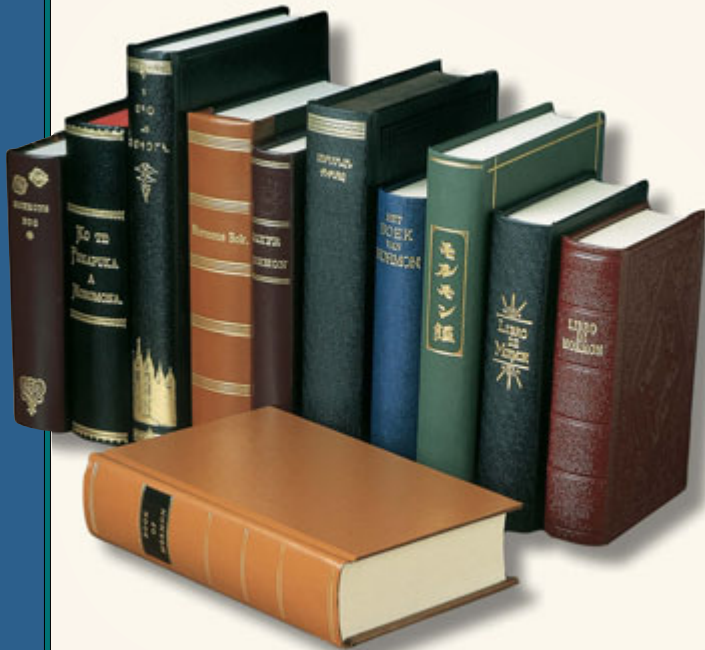
để cầu nguyện và cầu vấn Chúa về phép báp têm để được xá miễn tội lỗi, mà chúng tôi thấy có đề cập trong khi phiên dịch các bảng khắc. Trong lúc chúng tôi đang cầu nguyện và kêu xin Chúa như vậy, thì từ trên trời một vị sứ giả hiện xuống giữa ánh hào quang rực rỡ, và sau khi đặt tay lên đầu chúng tôi, vị ấy sắc phong chúng tôi, nói rằng:

“Hỡi các người cũng là tôi tớ như ta, trong danh Đấng Mê Si, ta truyền giao cho các người Chức Tư Tế A Rôn, là chức tư tế nắm giữ các chìa khóa phù trợ của các thiên sứ và của phúc âm về sự hối cải, và phép báp têm bằng cách được chìm mình xuống nước để được xá miễn tội lỗi; và chức tư tế này sẽ không bao giờ lại bị cất khỏi thế gian, cho đến ngày các con trai của Lê Vi lại hiến dâng một cửa lễ lên Chúa trong sự ngay chính.”

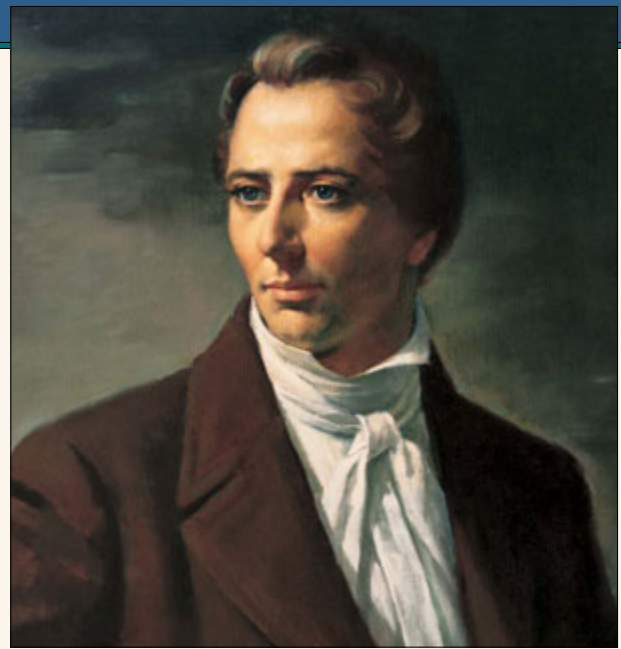
Ông nói rằng, Chức Tư Tế A Rôn này không có quyền năng đặt tay lên đầu để ban ân tứ Đức Thánh Linh, nhưng quyền năng này sẽ được truyền giao cho chúng tôi sau; và ông truyền lệnh cho chúng tôi phải đi chịu phép báp têm, và cho chúng tôi những lời chỉ dẫn rằng tôi phải làm phép báp têm cho Oliver Cowdery, và sau đó anh ấy phải làm phép báp têm cho tôi.

Chúng tôi tuân lời đi chịu phép báp têm. Tôi làm phép báp têm cho anh ấy trước, và kế đó anh ấy làm phép báp têm lại cho tôi—sau đó tôi đặt tay lên đầu anh ấy và sắc phong cho anh ấy Chức Tư Tế A Rôn, và sau đó anh ấy đặt tay lên đầu tôi và sắc phong cho tôi cùng Chức Tư Tế đó—vì chúng tôi được truyền lệnh như vậy.

Vị sứ giả viếng thăm chúng tôi lần này và truyền giao Chức Tư Tế này cho chúng tôi nói rằng tên ông là Giảng, chính là người được gọi là Giảng Báp Tít trong Tân Ước, và rằng ông hành động theo chỉ thị của Phi E Rơ, Gia Cơ và Giảng, là những vị nắm giữ các chìa khóa của Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc, mà ông nói rằng Chức Tư Tế này sẽ được truyền giao cho chúng tôi khi đến lúc, và lúc đó tôi sẽ được gọi là Anh Cả thứ nhất của Giáo Hội, và anh ấy (Oliver Cowdery) sẽ được gọi là Anh Cả thứ hai. Hôm đó là ngày 15 tháng Năm năm 1829, chúng tôi được sắc phong bởi tay vị sứ giả này và chịu phép báp têm.



Sách Mặc Môn, in lần đầu tiên vào năm 1830, hiện đang được xuất bản trong hơn 80 ngôn ngữ trên toàn thế giới.



Ngay khi chúng tôi lên khỏi mặt nước sau khi chúng tôi đã chịu phép báp têm, chúng tôi nhận được những phước lành lớn lao và vinh quang từ Cha Thiên Thượng. Vừa khi tôi làm phép báp têm cho Oliver Cowdery, Đức Thánh Linh liền giáng trên anh, và anh đứng dậy nói tiên tri nhiều việc sắp xảy ra. Và cũng vậy, vừa khi tôi được anh làm phép báp têm, tôi cũng có được tinh thần tiên tri, khi đứng lên, tôi nói tiên tri về việc ra đời của Giáo Hội này, và nhiều điều khác có liên quan đến Giáo Hội, và thể hệ này của con cái loài người. Chúng tôi được đầy đầy Đức Thánh Linh, và vui mừng nơi Thượng Đế của sự cứu rỗi chúng tôi.

Đây là chứng ngôn giản dị, chân thành của Joseph Smith, cho biết một số sự kiện đã đưa dẫn đến Sự Phục Hồi phúc âm và sự thành lập Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Muốn có được một truyện ký đầy đủ hơn về câu chuyện của Joseph Smith, xin xem Joseph Smith—Lịch Sử trong sách Trăn Châu Vô Giá hay History of the Church, 1:2–79.